

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Sau khi xem xét, đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 142/TTr-BDT ngày 01/8/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 như sau:

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THiểu số TỈNH PHÚ THỌ GIAI ĐOẠN 2016-2020**

I. TỔNG QUAN VỀ DÂN SỐ, ĐỊA BÀN VÙNG DTTS&MN

1. Dân số

Theo số liệu thống kê đến năm 2020, người DTTS sinh sống trên địa bàn tỉnh là 251.920 người, chiếm 17% dân số toàn tỉnh, chiếm 3,6% số người DTTS khu vực Trung du miền núi phía Bắc.

2. Vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) tỉnh Phú Thọ

Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh có 10 huyện miền núi (Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Cẩm Khê, Phù Ninh, Tam Nông, Thanh Ba), 218 xã vùng đồng bào DTTS&MN (63 xã khu vực I, 124 xã khu vực II, 31 xã khu vực III) và 254 thôn ĐBKK ngoài xã khu vực III (theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ); trong đó,

41 xã ĐBK, xã CT229 và 239 thôn ĐBK được thụ hưởng các chính sách hỗ trợ giành cho vùng DTTS&MN.

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Về kinh tế

Thu nhập bình quân đầu người DTTS trong tỉnh năm 2020 khoảng 24,5 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế vùng DTTS&MN dịch chuyển theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn đã có chuyển biến theo hướng đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ và sản xuất hàng hoá, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Tổng huy động nguồn lực trên địa bàn vùng DTTS&MN giai đoạn 2016-2020 là 5.011.529 triệu đồng, trong đó: Vốn ngân sách Trung ương 636.713 triệu đồng, ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) 1.492.056 triệu đồng; tín dụng 1.245.400 triệu đồng; huy động và lồng ghép 1.637.360 triệu đồng.

2. Văn hóa- xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Quy mô, mạng lưới trường lớp được củng cố và phát triển; chất lượng giáo dục ở các ngành học, cấp học ngày một nâng cao; chất lượng đại trà của học sinh DTTS chuyển biến rõ nét, tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng mạnh. Sự chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa các địa phương được thu hẹp đáng kể. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp, trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng hàng năm tăng. Đến nay, 100% các xã vùng DTTS&MN có đủ hệ thống trường học các cấp từ mẫu giáo, tiểu học đến trung học cơ sở; tỷ lệ phòng học kiên cố vùng DTTS đạt 100%; Tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%; tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông viết thạo tiếng phổ thông đạt 96,8%. Công tác dạy tiếng DTTS cho cán bộ quản lý, giáo viên vùng DTTS tiếp tục được triển khai, các chính sách đối với học sinh, cán bộ, giáo viên tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn (ĐBK) được thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe vùng DTTS

Mạng lưới các cơ sở y tế vùng DTTS&MN ngày càng được củng cố, các chính sách y tế, dân số trên địa bàn vùng DTTS đã đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Đến nay, 100% các xã vùng DTTS đã có trạm y tế, có bác sỹ phục vụ, 100% thôn, bản có nhân viên y tế. Toàn tỉnh có trên 400 cán bộ y bác sỹ là người DTTS, chủ yếu công tác ở tuyến huyện và cơ sở; trạm y tế các xã miền núi nhất là các xã ĐBK được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh thiết yếu, 100% các trạm y tế vùng DTTS đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, trên 99,5% số trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đủ các loại vắc xin miễn dịch cơ bản. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em được triển khai thường xuyên và đồng bộ.

c) Lao động, việc làm và sinh kế của người dân

Tỷ lệ hộ nghèo người DTTS so với hộ nghèo toàn tỉnh 30,08% (giảm 3,48% so với năm 2016), bình quân khoảng 0,7%/năm; huyện Tân Sơn được công nhận thoát nghèo trước 02 năm; 04 xã và 39 thôn ĐBKK ra khỏi diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS được cải thiện, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 65%, giải quyết việc làm tăng thêm 12.620 người DTTS (bình quân 2.200 người/năm), hỗ trợ cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm 250 dự án là người DTTS, tạo việc làm cho trên 403 lao động.

d) Văn hóa, thể thao và du lịch

Việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa vùng DTTS&MN được duy trì; nhiều hoạt động lễ hội, phục dựng lễ hội mang bản sắc dân tộc được diễn ra. Đến nay, 99,1% số thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng người DTTS; 18 di tích thuộc vùng DTTS được Nhà nước xếp hạng; 12 lễ hội đã được tổ chức phục dựng và duy trì tại các địa phương; 100% các xã vùng DTTS của tỉnh được đầu tư và duy trì hoạt động hệ thống truyền thanh cơ sở, điểm bưu điện văn hóa xã, tủ sách pháp luật. Đồng bào DTTS tích cực tham gia xây dựng nếp sống văn minh; duy trì và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa dân tộc, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

đ) Quốc phòng, an ninh

Công tác quốc phòng an ninh vùng DTTS&MN được quan tâm; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh luôn được ổn định; xây dựng hệ thống quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh; xây dựng và triển khai các phương án bảo đảm an toàn tuyệt đối các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị trên địa bàn tỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Vùng DTTS&MN luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh. Các chương trình, dự án, chính sách đầu tư, hỗ trợ đã giúp vùng DTTS&MN ngày càng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, văn hóa - xã hội thiết yếu, đồng bào được tiếp cận nguồn cây, con giống, vật tư phân bón và tiến bộ khoa học kỹ thuật, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các DTTS ngày một nâng cao, thu hẹp dần khoảng cách giữa vùng kinh tế xã hội ĐBKK với các vùng khác trên địa bàn.

2. Khó khăn, tồn tại

- Kinh tế vùng DTTS&MN phát triển chưa thực sự bền vững, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, nhiều nơi vẫn còn duy trì tập quán canh tác cũ, chưa ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, sản xuất nông - lâm nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng, sản xuất hàng hóa còn hạn chế. Tiểu thủ công nghiệp tuy có phát triển nhưng còn khó khăn về thị trường tiêu thụ, chưa khai thác tốt tiềm năng về nguồn nguyên liệu và nhân công tại địa phương;

- Một số chính sách đối với đồng bào DTTS còn chưa đạt hiệu quả; việc thực hiện một số chủ trương, chính sách cho vùng đồng bào các DTTS thiếu đồng bộ; chính sách huy động, thu hút nguồn lực đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế của vùng DTTS&MN chưa hấp dẫn, hiệu quả thấp, nguồn lực đầu tư còn dàn trải; cơ sở hạ tầng đã được phát triển, nhưng ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu;

- Khả năng tiếp nhận chính sách hỗ trợ của đồng bào DTTS còn hạn chế; tâm lý của người DTTS không muốn xa nơi cư trú, ảnh hưởng đến công tác đào tạo nghề, xuất khẩu lao động;

- Nhân lực y tế tại vùng DTTS còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng; công tác vệ sinh môi trường chưa thực sự được quan tâm đúng mức, đầu tư thích hợp. Tỷ lệ sử dụng nước sạch trong sinh hoạt và nhà tiêu hợp vệ sinh của người dân vùng đồng bào DTTS&MN còn thấp;

- Hoạt động văn hóa thể thao vùng DTTS&MN chưa thường xuyên; việc xây dựng và sử dụng các thiết chế văn hóa ở khu dân cư hiệu quả chưa cao; bản sắc văn hóa dân tộc bị mai một nhất là về giữ gìn tiếng nói, trang phục truyền thống và các lễ hội văn hóa truyền thống dân tộc;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng chưa thật sự bền vững, sự chênh lệch khoảng cách về mức sống giữa các dân tộc, các vùng miền trên địa bàn tỉnh còn lớn. Số lao động là người DTTS được đào tạo qua các trường đại học, cao đẳng chưa có việc làm ổn định còn chiếm tỷ lệ cao;

- Nguồn lực đầu tư từ ngân sách tỉnh, huyện còn hạn chế; khả năng huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước còn khó khăn. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng công trình sau đầu tư (đặc biệt là các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt) ở một số địa phương, cơ sở chưa được quan tâm đúng mức, mặt khác ý thức của người dân, người sử dụng còn hạn chế dẫn đến một số công trình nhanh xuống cấp, hư hỏng, gây lãng phí.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện kinh tế - xã hội của các huyện miền núi còn khó khăn; địa hình chia cắt phức tạp, thời tiết khắc nghiệt, ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt, đòi hỏi mức đầu tư lớn...; hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu chưa đảm bảo; trình độ sản xuất của đồng bào vẫn còn dựa vào phương thức canh tác giản đơn, một số nơi còn tự cấp, tự túc, dựa vào tự nhiên; ít có cơ hội tiếp cận việc làm phi nông nghiệp;

- Công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế;

- Ngân sách địa phương còn khó khăn, việc bố trí vốn đối ứng thực hiện các CTMTQG còn hạn chế; mức sống dân cư thấp, khả năng huy động các nguồn lực từ cơ sở khó khăn.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền một số nơi chưa thực sự đầy đủ, nghiêm túc đối với công tác dân tộc. Nhận thức của một số cán bộ, đảng viên ở cơ sở về chính sách dân tộc và công tác dân tộc chưa sâu sắc,

toàn diện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ làm công tác dân tộc chưa được quan tâm;

- Một số cơ chế, chính sách còn chưa thực sự phát huy hiệu quả; chưa đủ mạnh và hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư vào công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị;

- Một bộ phận đồng bào khó tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, vẫn còn duy trì tập quán canh tác cũ, năng suất lao động thấp, giá trị sản phẩm chưa cao, thiếu tính ổn định. Một bộ phận hộ nghèo chưa tích cực phấn đấu vươn lên thoát nghèo, còn có tư tưởng trông chờ ỷ nại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH PHÚ THỌ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào DTTS so với bình quân chung của cả tỉnh; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện đời sống nhân dân; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc, đảm bảo ổn định, an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thu nhập bình quân của người DTTS tăng trên 2 lần so với năm 2020;
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS mỗi năm giảm 2%/năm; phấn đấu trên 54% số xã và 50% thôn ra khỏi địa bàn ĐBKK;
- 100% xã vùng DTTS có đường ô tô đến trung tâm xã được trải nhựa hoặc bê tông hóa; trên 80% thôn, bản vùng DTTS có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa;
- 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố;
- 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp khác;
- 96,8% số hộ dân đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;
- 100% số hộ dân đồng bào DTTS được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;
- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS;
- Tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 100%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 99,2%, học trung học cơ sở trên 98,5%, học trung học phổ

thông trên 72%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 99,4%;

- 100% người DTTS tham gia bảo hiểm y tế. Trên 98% phụ nữ có thai được khám định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%;

- 55% lao động trong độ tuổi là người DTTS, người kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được đào tạo nghề;

- 100% thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng phù hợp; 70% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN thuộc 05 huyện (Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Thanh Thủy), trong đó ưu tiên địa bàn xã, thôn ĐBKK và xã Chương trình 229.

2. Đối tượng

- 05 huyện với 58 xã vùng DTTS&MN (27 xã thuộc khu vực I; 5 xã thuộc khu vực II, 26 xã thuộc khu vực III) và 70 thôn ĐBKK ngoài xã khu vực III; trong đó ưu tiên địa bàn xã, thôn ĐBKK và xã Chương trình 229;

- Xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ gia đình, cá nhân người DTTS; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn ĐBKK;

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn ĐBKK.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến hết năm 2025 (Nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 chuyển nguồn sang năm 2022).

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Mục tiêu: 90% hộ DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã ĐBKK, thôn ĐBKK làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức của địa phương được giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề; 96,8% hộ đồng bào DTTS nghèo; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã ĐBKK, thôn ĐBKK được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; tăng cường tạo việc làm, hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người DTTS trên địa bàn.

b) Nội dung

- Hỗ trợ đất ở
- Hỗ trợ nhà ở
- Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề
- Hỗ trợ nước sinh hoạt: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung.

c) *Phân công thực hiện*: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn thực hiện.

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư

a) *Mục tiêu*: Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

b) *Nội dung*: Hỗ trợ khảo sát vị trí, địa điểm phục vụ công tác quy hoạch, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư; hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình; hỗ trợ địa bàn bố trí dân xen ghép.

c) *Phân công thực hiện*: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn thực hiện.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) *Mục tiêu*: Tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng DTTS&MN.

b) *Nội dung*: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ; trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào DTTS tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ...

c) *Phân công thực hiện*: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn thực hiện.

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng DTTS&MN

3.2.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

a) *Mục tiêu*: Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng DTTS&MN.

b) *Nội dung*: Căn cứ vào điều kiện thực tế, lựa chọn hình thức để hỗ trợ cho phù hợp với thế mạnh, phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng và mục tiêu của Chương trình, đảm bảo quy định của pháp luật; các đối tượng của Tiểu dự án được vay vốn tín dụng chính sách và vốn tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành.

c) *Phân công thực hiện*: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện. Ngân hàng CHXH Tỉnh thực hiện cho vay vốn tín dụng theo quy định hiện hành.

3.2.2. Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

a) *Mục tiêu:* Bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

b) *Nội dung:* Căn cứ điều kiện thực tế, hỗ trợ, bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án; tạo điều kiện hỗ trợ về xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo nghề tại chỗ, chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực, kinh phí thực hiện đề tài khoa học, kinh phí chuyên gia ứng dụng khoa học kỹ thuật, hỗ trợ giống, vật tư, ứng dụng công nghệ thông tin và vay vốn tín dụng chính sách...

c) *Phân công thực hiện:* Sở Y tế chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn thực hiện.

3.2.3. Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.

a) *Mục tiêu:* Thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã ĐBKK vùng DTTS&MN; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào DTTS dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các DTTS.

b) *Nội dung:* Hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng DTTS&MN; tổ chức biểu dương thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng DTTS; tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư vùng DTTS&MN; tổ chức các hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng DTTS&MN.

c) *Phân công thực hiện:* Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện hướng dẫn triển khai các hoạt động thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.

Sở Công Thương hướng dẫn nội dung thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DTTS&MN

a) *Mục tiêu:* Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã ĐBKK, các thôn ĐBKK; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã.

b) *Nội dung:* Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng DTTS&MN (điện, đường, trường, trạm, nhà sinh hoạt cộng đồng, hệ thống thủy lợi...); Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng DTTS&MN.

c) *Phân công thực hiện:* Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn chung về tổ chức thực hiện dự án và

hướng dẫn thực hiện nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu. Sở Công Thương chủ trì hướng dẫn nội dung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng DTTS

a) Mục tiêu

Củng cố và phát triển hợp lý hệ thống các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh ở bán trú; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo tốt việc tổ chức dạy - học (bao gồm cả các hoạt động dạy và học trực tuyến), nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

b) Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường PTDTNT, bán trú, có học sinh bán trú; xóa mù chữ cho người DTTS.

c) Phân công thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN

a) Mục tiêu: Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học nhằm góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng DTTS&MN.

b) Nội dung: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân trên địa bàn vùng DTTS&MN; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học.

c) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện thụ hưởng tổ chức triển khai thực hiện.

5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN

a) Mục tiêu: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

b) *Nội dung*: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, hỗ trợ đào tạo nghề; hỗ trợ người lao động thuộc vùng DTTS&MN đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng DTTS&MN. Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; kiểm tra, giám sát đánh giá.

c) *Phân công thực hiện*: Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng tổ chức thực hiện.

5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

a) *Mục tiêu*: Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình, các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

b) *Nội dung*: Xây dựng tài liệu; tổ chức hoạt động đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng; tổ chức học tập, hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; thực hiện nâng cao năng lực; hỗ trợ chuyển đổi số và nâng cao khả năng học tập, chia sẻ kinh nghiệm trực tuyến cho cán bộ triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp.

c) *Phân công thực hiện*: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng tổ chức thực hiện.

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

a) *Mục tiêu*: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng DTTS&MN để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các DTTS rất ít người.

b) *Nội dung*: Thực hiện các nội dung khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ...

c) *Phân công thực hiện*: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) *Mục tiêu*: Cải thiện sức khỏe của người DTTS về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng DTTS&MN.

b) *Nội dung*: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở; nâng cao chất lượng dân số vùng DTTS&MN; chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người DTTS.

c) *Phân công thực hiện*: Sở Y tế chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

a) *Mục tiêu*: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

b) *Nội dung*: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng các mô hình góp phần nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em. Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

c) *Phân công thực hiện*: Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành hướng dẫn thực hiện.

9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

a) *Mục tiêu*: Xóa đói, giảm nghèo nhanh, bền vững, nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập so với các dân tộc khác trong vùng; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc;

b) *Nội dung*: Hỗ trợ đầu tư (theo quy định của cấp có thẩm quyền) thông qua vay vốn tín dụng chính sách với lãi suất ưu đãi đặc biệt. Trường hợp xác định vật nuôi hoặc cây trồng khác phù hợp với địa phương, thực hiện đầu tư và tính quy đổi giá trị từ bò hoặc gà, nhưng tổng kinh phí hỗ trợ/hộ không thay đổi so với hạn mức được giao; hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào.

c) *Phân công thực hiện*: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện thụ hưởng hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN

a) *Mục tiêu*: Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào DTTS góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn; phấn đấu đạt các mục tiêu tại điểm b, mục 9 (Dự án 9), Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) *Nội dung*: Thực hiện công tác truyền thông; Tăng cường các hoạt động tư vấn, can thiệp lồng ghép với các chương trình, dự án, mô hình có liên quan. Bồi dưỡng, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức

làm công tác dân tộc tham gia thực hiện Dự án. Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Mô hình, Dự án và thực hiện các chính sách.

c) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện xác định đối tượng, địa bàn tổ chức thực hiện tiểu dự án. Sở Y tế hướng dẫn về chuyên môn của nội dung giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

10.1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030

10.1.1 Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

a) Mục tiêu: Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng DTTS&MN. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng DTTS&MN trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

b) Nội dung: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín; Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng và tổ chức các hoạt động phù hợp nhằm nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao đối với lực lượng cốt cán và người có uy tín; xây dựng các hình thức hỗ trợ, động viên kịp thời và biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến...

c) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

10.1.2. Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS.

a) Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào DTTS và Nhân dân.

b) Nội dung: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, truyền thông, vận động Nhân dân vùng DTTS&MN chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia tổ chức, triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030; Thực hiện cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng; Thực hiện thông tin đối ngoại vùng DTTS&MN theo Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Phân công thực hiện: Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

10.1.3. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng DTTS&MN.

a) *Mục tiêu:* Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng DTTS&MN, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

b) *Nội dung:* Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm; tổ chức tập huấn điểm về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho người DTTS, tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào vùng DTTS&MN; xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người DTTS phủ sóng các xã vùng DTTS&MN; Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng; biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người DTTS.

c) *Phân công thực hiện:* Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

10.2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

a) *Mục tiêu:* Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng DTTS&MN, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030.

b) *Nội dung:* Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN; triển khai hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN.

c) *Phân công thực hiện:* Ban Dân tộc phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

10.3 Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

a) *Mục tiêu:* Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

b) *Nội dung hỗ trợ:* Xây dựng, thí điểm, tập huấn và vận hành phần mềm giám sát đánh giá; nâng cao năng lực giám sát, đánh giá cho các địa phương; tuyên truyền, biểu dương, thi đua, khen thưởng gương điển hình tiên tiến trong thực hiện Chương trình; tổ chức giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia và kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

c) *Phân công thực hiện:* Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng vốn đầu tư 3.461.567 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn trực tiếp thực hiện chương trình 2.123.944 triệu đồng:
 - Vốn ngân sách Trung ương 1.923.944 triệu đồng;
 - Vốn ngân sách địa phương 200.000 triệu đồng.
2. Lồng ghép và huy động vốn hợp pháp khác 1.337.623 triệu đồng.

V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn ĐBKK; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm DTTS khó khăn.

2. Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS.

3. Ưu tiên sử dụng các cấu kiện xây dựng theo mô-đun (module) lắp ghép bảo đảm thi công nhanh, giảm chi phí phục vụ các công trình. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

4. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, các vùng miền gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

5. Hải hòa các cơ chế, quy trình áp dụng thống nhất trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ đầu tư có định mức cao hơn để tổ chức thực hiện đối với các đối tượng thụ hưởng; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình đối với cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

6. Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phòng, chống, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

7. Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình,

- Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; huy động hợp lý các nguồn vốn ODA và các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Huy động các nguồn vốn tín dụng thông qua các chính sách tín dụng cho từng đối tượng, nội dung hỗ trợ thuộc phạm vi đầu tư để triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật; đồng thời huy động, thu hút nguồn đóng góp từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, rõ trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hàng năm (bao gồm các nội dung hỗ trợ; kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung hỗ trợ thành phần của Chương trình, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan) theo quy định.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Chương trình và các dự án, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh. Đề xuất các chính sách đặc thù của địa phương để hỗ trợ cho đồng bào DTTS còn gặp nhiều khó khăn trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn, việc triển khai thực hiện; định kỳ 6 tháng, hàng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu) tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo tình hình kết quả thực theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện thụ hưởng Chương trình tham mưu UBND tỉnh: Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc và các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu; nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp, phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh và đảm bảo theo quy định hiện hành.

4. Các sở, ngành, đơn vị liên quan được phân công làm chủ dự án, tiểu dự án (Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Y tế, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Tư pháp, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh):

Chủ động phối hợp triển khai thực hiện theo nội dung kế hoạch; đề xuất giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, mục tiêu các dự án, tiểu dự án do đơn vị phụ trách; hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Báo Phú Thọ, Đài PT-TH tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh phối hợp với Ban Dân tộc và các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, thông tin nội dung của Chương trình.

6. Đề nghị NHNN Việt Nam chi nhánh tỉnh Phú Thọ chỉ đạo Chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh và các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện nghị định của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình; chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan trong công tác kiểm tra, thanh tra việc triển khai các chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ thực hiện Chương trình trên địa bàn theo quy định.

7. UBND các huyện

- Tổ chức quán triệt đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện của Chương trình; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội và Nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN;

- Chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng theo hướng dẫn của Trung ương và của các sở ngành có liên quan; xây dựng danh mục chương trình, dự án để tổng hợp danh mục đầu tư công trung hạn 2021- 2025 của địa phương và cụ thể hóa kế hoạch hàng năm, đảm bảo đúng yêu cầu, quy định của Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan;

- Nghiên cứu, cụ thể hoá các cơ chế, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn tại địa phương để hỗ trợ, đầu tư cho vùng DTTS&MN trên địa bàn; đồng thời, chủ động bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách huyện, lồng ghép với nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn huy động hợp pháp khác để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình đạt hiệu quả cao.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh

- Phối hợp tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên nhất là đồng bào DTTS phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc, ý thức tự lực tự cường, tinh thần tự lực vươn lên, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Chú trọng sơ kết, tổng kết, nhân rộng những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến, các mô hình sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo có hiệu quả trong đồng bào dân tộc. Tăng cường công tác phản biện trong xây dựng cơ chế, chính sách triển khai Chương trình; giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình và các chính sách dân tộc tại địa phương.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả cuộc vận động "Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào DTTS, làm cho đồng bào DTTS từng bước vươn lên thoát nghèo bền vững".

Căn cứ Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo bằng văn bản về Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc (B/c);
- TTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MT TQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- Các huyện: Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên Lập, Đoan Hùng, Thanh Thủy
- CVP, các PCVP;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, VX4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Đại Dũng